

Số: 04/2009/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn Giám đốc Sở Giao thông vận tải thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BGTVT-BNV ngày 05/12/2008 của Bộ Giao thông vận tải- Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 82/2004/QĐ-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn Giám đốc Sở và các chức vụ tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức trách của Giám đốc Sở Giao thông vận tải

Giám đốc Sở Giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là công chức lãnh đạo đứng đầu Sở Giao thông vận tải, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của Sở Giao thông vận tải, tham mưu giúp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ của Giám đốc Sở Giao thông vận tải

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công hoặc ủy quyền và theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của Sở Giao thông vận tải theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện công tác tổng hợp thông tin, thống kê, báo cáo, lưu trữ về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở Giao thông vận tải; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 3. Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Giao thông vận tải

1. Phẩm chất và đạo đức

Yêu nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định đường lối đổi mới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng, tận tụy phục vụ nhân dân. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, hiệu quả. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, trung thực, thẳng thắn. Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình. Đoàn kết, dân chủ, chân tình với đồng nghiệp, đồng sự, được tập thể tin nhiệm. Gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân nơi cư trú tin nhiệm. Có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu chấp hành luật pháp và các quy định của Nhà nước, nội quy quy chế của cơ quan. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Năng lực

a) Có năng lực tham mưu, tổ chức, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Có khả năng nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất các giải pháp, phương pháp quản lý về giao thông vận tải, phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Có năng lực điều hành, có khả năng quy tụ, đoàn kết, tổ chức để cán bộ, công chức, viên chức trong sở thực hiện và phối hợp với các cấp, các cơ quan có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Hiểu biết

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải và các văn bản pháp quy do địa phương ban hành.

c) Hiểu biết sâu về nghiệp vụ giao thông vận tải; có kinh nghiệm tổ chức, quản lý và điều hành.

d) Am hiểu tình hình chính trị, kinh tế-xã hội của địa phương, đất nước, các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Trình độ

a) Tốt nghiệp đại học giao thông vận tải hoặc đại học các chuyên ngành khác liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ ngạch chuyên viên chính trở lên.

c) Tốt nghiệp lý luận chính trị cao cấp.

d) Tốt nghiệp quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên chính trở lên.

d) Thành thạo một ngoại ngữ thông dụng ở trình độ C. Đối với tỉnh có số đông đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích học và sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ công tác.

e) Sử dụng thành thạo máy vi tính và các trang thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác.

5. Các điều kiện khác

a) Có 5 năm trở lên công tác trong ngành giao thông vận tải, trong đó có ít nhất 3 năm được giao làm công tác quản lý về lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Tuổi bổ nhiệm lần đầu nói chung không quá 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ.

c) Có sức khỏe đảm bảo công tác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2771/TCCB-LĐ ngày 16 tháng 5 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải, hoặc Sở Giao thông công chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

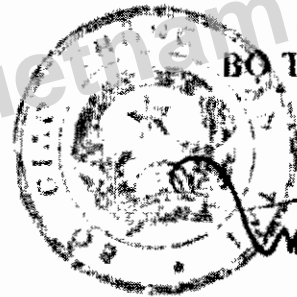
Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. *HL*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tổ chức TW;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, UBND, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Thứ trưởng;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ GTVT;
- Các cơ quan đơn vị thuộc Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.



BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng